

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

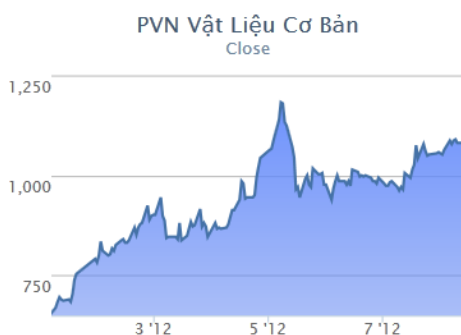


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	830.35	↑ 8.21	↑ 1
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	727.36	↑ 5.53	↑ 0.77
PVN ALLSHARE	707.6	↑ 5.26	↑ 0.75
PVN ALLSHARE HNX	573.94	↑ 3.01	↑ 0.53
PVN ALLSHARE HSX	767.37	↑ 6.06	↑ 0.8
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1165.22	↑ 8.7	↑ 0.75
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	859.15	↑ 14.08	↑ 1.67
PVN Tài Chính	607.25	↓ -0.74	↓ -0.12
PVN Công Nghiệp	475.61	↑ 3.08	↑ 0.65
PVN Dầu Khí	679.14	↑ 5.89	↑ 0.88
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	864.3	↑ 9.31	↑ 1.09

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	437.28 ↑	3.83	0.88%
KLGD (triệu ck)	41.50 ↑	4.38	11.80%
GTGD (tỷ đồng)	757.92 ↑	96.27	14.55%
Tổng cung (triệu ck)	78.48 ↓	-48.22	-38.06%
Tổng cầu (triệu ck)	88.64 ↓	-56.81	-39.06%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.40 ↓	-0.99	-29.08%
KL bán (triệu ck)	0.77 ↓	-0.44	-35.96%
Giá trị mua (tỷ đồng)	70.61 ↓	-31.15	-30.61%
Giá trị bán (tỷ đồng)	21.83 ↓	-5.57	-20.34%

Nhận định thị trường:

- Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính đến ngày 30/7/2012, tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng đã tăng 1,02% so với 31/12/2011.
- Tại địa bàn Hà Nội, Tổng dư nợ cho vay dự kiến tháng 8 là 613.343 tỷ đồng, tăng 0,92% so tháng trước và tăng 4,64% so với tháng 12/2011.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8 tại Hà Nội tăng 0,57% so với tháng trước và tăng 2,86% so tháng 12 năm trước. Nguyên nhân CPI tháng này tăng chủ yếu là do nhóm hàng hoá thiết yếu là gas, dầu hoả, điện tăng nên nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,89% so với tháng trước. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng bắt đầu tăng nhẹ trở lại. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2012 tại Long An cũng tăng 0,33% so với tháng trước.
- Theo báo cáo của NHNN, tuần từ 6/8 - 10/8, tổng doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong tuần bằng VND đạt xấp xỉ 113.863 tỷ đồng, bình quân khoảng 22.773 tỷ đồng/ngày; bằng USD quy đổi ra VND đạt 56.291 tỷ đồng, bình quân khoảng 11.258 tỷ đồng/ngày. Đây là một lượng giao dịch khá đột biến so với tình trạng ảm đạm trước đó trên thị trường LNH.

Công Ty CPCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định tóm tắt thị trường phiên giao dịch ngày 20/08:

Nổi tiếp đà tăng cuối tuần trước, VN-Index tiếp tục có diễn biến tích cực sau khi đã phá vỡ kháng cự 430 điểm. Công cụ dòng tiền MFI phân kỳ tích cực với tín hiệu gia tăng của KLGD trong những phiên gần đây cho thấy có sự cải thiện của dòng tiền chảy vào các cổ phiếu vốn hóa lớn và một số ít bluechips trên HOSE. Diễn biến tích cực có thể còn tiếp diễn trên chỉ số VN-Index trong ngắn hạn, nhưng chưa có đủ cơ sở kỳ vọng vào một đợt sóng tăng dài. Trên HNX-Index, mô hình kỳ vọng dạng tam giác đã bị phá vỡ, đưa HNX-Index lại trạng thái dao động khung 65 – 72 điểm. 72 điểm vẫn đóng vai trò là kháng cự mạnh với chỉ số sàn này, và thanh khoản trên sàn HNX cũng vẫn chưa có cải thiện nào đáng kể.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	70.65 ↑	0.30	0.43%
KLGD (triệu ck)	32.09 ↑	2.44	8.21%
GTGD (tỷ đồng)	308.08 ↑	26.88	9.56%
Tổng cung (triệu ck)	54.34 ↑	4.02	7.99%
Tổng cầu (triệu ck)	47.87 ↓	-1.12	-2.29%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.23 ↓	-0.07	-22.77%
KL bán (triệu ck)	0.38 ↓	-0.58	-60.42%
Giá trị mua (tỷ đồng)	3.36 ↓	-0.44	-11.51%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.79 ↓	-10.07	-67.74%

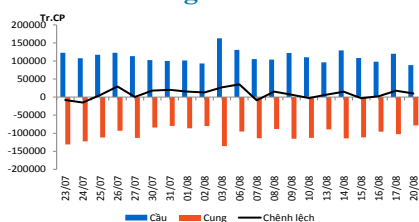
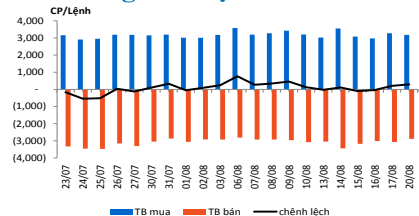
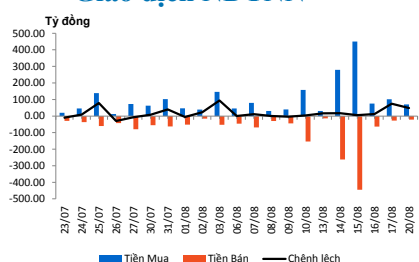
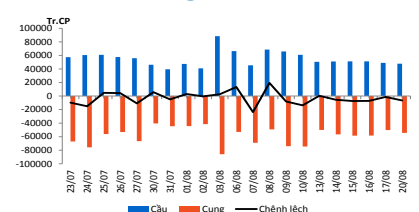
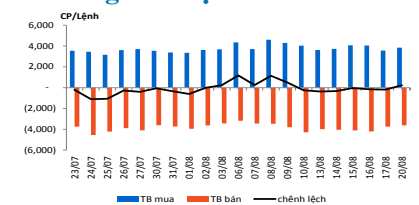
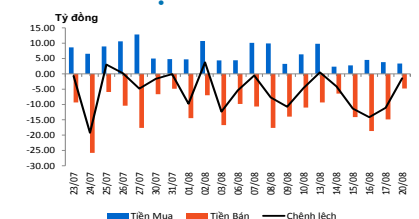


Đồ thị HNX-Index.

HNX-Index: dịch chuyển đã phá vỡ kì vọng mô hình tam giác trung gian xu thế giảm. Như vậy, kịch bản xấu nhất của HNX-Index đã bị loại trừ với những sự tích cực nho nhỏ những phiên gần đây. Tuy nhiên, trạng thái của HNX-Index vẫn chỉ là dao động, và 72 điểm vẫn là một kháng cự mạnh với chỉ số.

HNX-Index có vài phiên tăng điểm, vượt lên trên 70 điểm và dịch chuyển ra ngoài các cạnh giới hạn của mô hình tam giác trung gian xu thế giảm, kèm theo thanh khoản đi ngang là những tín hiệu cho thấy mô hình kì vọng dạng tam giác gần như không còn khả năng xảy ra. Đây là điểm tích cực duy nhất về mặt kĩ thuật mà HNX-Index có được.

Xét trên phương diện khác, HNX-Index chưa thoát khỏi trạng thái dao động, và nguy cơ giảm ngắn hạn vẫn hiện hữu khi mà chỉ số đang tăng dần lên sát ngưỡng 72 điểm nhưng KLGD chỉ có cải thiện nào đáng kể. Ngưỡng 72 điểm vẫn đóng vai trò là một kháng cự mạnh của chỉ số sàn Hà Nội, và nếu giảm trở lại trong giới hạn dao động hiện tại thì sóng giảm của chỉ số có thể kéo tới ngưỡng 66 – 67 điểm, mang lại một tỷ lệ rủi ro cao đáng kể với các NĐT ngắn hạn.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Mở cửa tuần giao dịch mới, thị trường tiếp tục duy trì màu xanh hy vọng. Đà tăng tuy không mạnh nhưng được nâng đỡ bởi các mã chủ chốt giúp nhà đầu tư phần nào có được tâm lý ổn định. Đợt khớp lệnh mở cửa, VN-Index tăng nhẹ 1.88 điểm, tương ứng 0.43% lên 435.33 điểm. Các mã chủ chốt tăng giá nhẹ như BVH, VIC, SSI, GAS, DPM, DHG, REE... hỗ trợ khá chắc cho các chỉ số.

Sang buổi chiều, thị trường vẫn giữ được sắc xanh, nhưng diễn biến trở nên linh xình và có xu hướng đi xuống ở nửa cuối phiên do lượng bán gia tăng. Thanh khoản cải thiện đáng kể ở hai sàn cho thấy bên mua phần nào lấy lại niềm tin. Dù có 110 mã tăng giá, trong đó các bluechips như BVH, MSN, VNM, HAG, SSI, VCB, MBB, GAS, DPM... đều giữ sắc xanh nhưng VN-Index chỉ tăng nhẹ 3.83 điểm, tương ứng 0.88% đạt 437.28 điểm. Phiên đầu tuần, thanh khoản HSX đạt 41,49 triệu đơn vị, tương đương với 757,91 tỷ đồng, có cải thiện đáng kể so với thanh khoản bình quân tuần trước. Giao dịch tập trung chủ yếu trên các mã như MBB, SAM, SSI, EIB, REE, PVF, ...

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Đầu phiên, Sàn HNX, các mã trụ cột tăng trở lại như VND, KLS, PVX, VCG... góp phần nâng đỡ về mặt tâm lý cho nhà đầu tư ngay từ đầu phiên. Chỉ số HNX-Index ghi nhận mức tăng 0.26 điểm, tương ứng 0.37% lên 70.36 điểm sau khoảng 15 phút mở cửa. Giao dịch đạt khoảng 2 triệu đơn vị, tương đương 20 tỷ đồng.

Sàn HNX, giao dịch có phần khởi sắc, với 20 triệu đơn vị chuyển nhượng, tương đương 204 tỷ đồng, với 91 mã tăng giá. Các mã trụ cột cũng giữ sắc xanh như VND, KLS, SHS nhưng một vài mã lại linh xình ở mức tham chiếu như PVX, VCG, SCR, PVS... làm cho HNX-Index bị ảnh hưởng. Chỉ số chính của sàn chỉ tăng nhẹ 0.3 điểm tạm dừng ở 70.652 điểm. Thanh khoản sàn HNX chỉ đạt 28,4 triệu đơn vị cổ phiếu, tương đương với hơn 252 tỷ đồng, một con số không mấy ấn tượng và cho thấy dòng tiền tham gia vẫn còn rất cầm chừng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 10 cổ phiếu đứng giá, 3 mã giảm giá và 15 mã tăng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PPE (tăng 4,17%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,64% và tổng khối lượng giao dịch đạt 5,741 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 20/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,500.0	-	0.00	0.48	14.86	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,100.0	17,200	0.00	0.30	28.18	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đồng Đô	4,400.0	70,600	2.33	0.26	0.43	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,900.0	129,000	0.48	1.71	1.39	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,100.0	54,800	1.11	0.84	5.76	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	100	4.17	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,200.0	97,700	1.96	0.51	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	15,100.0	92,800	2.03	0.90	2.26	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,600.0	12,500	-1.85	1.86	4.84	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,500.0	499,900	0.88	0.74	8.27	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,500.0	13,350	-0.60	0.71	8.33	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,200.0	-	0.00	0.50	2.44	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,700.0	391,325	0.64	1.33	4.20	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,400.0	1,545,355	1.20	0.37	3.16	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	41,900.0	385,470	0.72	3.38	13.43	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	40,200.0	574,720	0.75	2.40	6.49	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	28,800.0	27,860	0.00	1.32	3.50	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,200.0	7,820	0.00	0.62	5.26	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,200.0	130,960	1.67	0.70	3.00	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	44,000.0	118,830	1.15	2.15	6.21	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,300.0	90,210	0.00	0.42	3.33	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	37,000.0	278,490	2.49	1.25	7.27	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,300.0	699,740	0.00	1.08	15.57	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,200.0	357,230	0.00	0.53	47.27	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,200.0	26,470	0.00	0.59	4.13	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,600.0	27,230	-2.13	0.42	2.40	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,900.0	85,260	0.93	0.82	3.27	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,500.0	6,900	0.00	0.50	3.62	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	21,000	21,300	1.43	37,963,281
MBB	14,600	14,900	2.05	36,080,828
DPM	39,900	40,200	0.75	23,069,274
EB	20,400	20,800	1.96	84,969,463
CSM	27,200	27,800	2.21	19,778,484

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	11,200	11,500	2.68	36,114
KLS	10,200	10,500	2.94	28,238
SVN	41,800	41,800	0.00	21,233
SHB	7,900	7,700	-2.53	17,692
BVS	12,700	13,100	3.15	17,482

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
NTL	20,000	21,000	1,000	5.00
KAC	12,000	12,600	600	5.00
DHG	71,000	74,500	3,500	4.93
BTT	20,900	21,900	1,000	4.78
BRC	12,700	13,300	600	4.72

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SRA	4,300	4,600	300	6.98
DLR	10,100	10,800	700	6.93
TV2	11,600	12,400	800	6.90
KTU	2,900	3,100	200	6.90
SDU	5,800	6,200	400	6.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,800	1,700	-100	-5.56
VES	2,000	1,900	-100	-5.00
MPC	28,700	27,300	-1,400	-4.88
SPM	35,000	33,300	-1,700	-4.86
PDR	12,400	11,800	-600	-4.84

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CAN	30,500	28,400	-2,100	-6.89
BVG	3,000	2,800	-200	-6.67
TTC	4,500	4,200	-300	-6.67
CX8	4,500	4,200	-300	-6.67
BHT	7,600	7,100	-500	-6.58

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	13,743	HAG	4,254
GAS	9,250	GAS	4,230
DPM	8,702	VNM	3,793
MBB	8,255	VIC	2,391
CTG	6,601	KDC	1,142

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	769	AAA	1,028
VNR	434	VNR	871
PVG	357	SDT	615
VCS	212	VC1	296
WCS	180	PGS	261

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339